TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/6/2022
"V/v: Ly hôn"

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các hội thẩm nhân dân:

1. ông Hoàng Duy Thanh

2. Bà Lê Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Hoàng Long – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 44/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện A, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào tháng 12/2002 tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn đến đầu năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã xích mích, ông Nguyễn Văn T thường hay uống rượu say xỉn về chửi bới vợ con. Do bà không chịu đựng được cuộc sống thường xuyên cãi vã nên bà đã bỏ đi nhiều lần từ năm 2006, vợ chồng không còn sống chung từ đó cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn ở

chung với nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 25/11/2003. Hiện cháu B đã trưởng thành trên 18 tuổi và có công việc làm nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T kết hôn tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 25/11/2003. Hiện cháu B đã trưởng thành trên 18 tuổi và khỏe mạnh nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T, cư trú tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T kết hôn tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả, xích mích, ông Nguyễn Văn T thường hay uống rượu, về nhà chửi bới xúc phạm bà. Qua xác minh tại địa phương thì có thể hiện có sự việc trên, vợ chồng bà D, ông T khi chung sống thì hay xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng đã ly thân, ít ở chung với nhau từ năm 2006 đến nay, bà D đã bỏ đi nhiều lần.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn T nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án, tạo điều kiện cho ông bà gặp gỡ giải quyết những mâu thuẫn tình cảm để đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt không tham gia tố tụng, điều đó chứng tỏ ông T không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 25/11/2003. Hiện cháu B đã trưởng thành trên 18 tuổi và khỏe mạnh nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 60AA/2021/0007973 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh